

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính Ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2016, Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 10 năm 2017, Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017, Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2018, Quyết định số 1552/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 6 năm 2019, Quyết định số 1183/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 5 năm 2020, Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 4 năm 2021);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 188/TTr-STNMT ngày 16 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính Ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ:

1. Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa của ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

2. Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum;

3. Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

4. Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bổ sung; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh;

5. Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bãi bỏ thuộc ngành Tài nguyên và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

6. Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đã sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

7. Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;

8. Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

9. Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ thuộc ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP (b/cáo);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn Thông Kon Tum;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục:

Sở Tài nguyên và Môi trường

DANH MỤC**Thủ tục hành chính ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết
của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 318 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)***A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: 88 thủ tục**

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
I	Lĩnh vực Đất đai: 37 TTHC								
1	1.002253.000 .00.00.H34	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Không quá 20 ngày. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh	1.200.000 đồng / hồ sơ	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017	x	Mức độ 3	x
2	1.002040.000 .00.00.H34	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình	- Không quá 20 ngày	Trung tâm Phục vụ hành	1.200.000 đồng/ hồ sơ	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày	x	Mức độ 3	x

		thức đầu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	chính công tỉnh tỉnh		29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017			
3	1.004257.000 .00.00.H34	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	- Không quá 15 ngày - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017	x	Mức độ 3	x
4	1.004217.000 .00.00.H34	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	- Không quá 07 ngày - Đối với các xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013	x	Mức độ 3	x

			miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày	tỉnh tỉnh		- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017			
5	1.001007.000 .00.00.H34	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014	x	Mức độ 2	x
6	2.000962.000 .00.00.H34	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	20 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 - Thông tư số	x	Mức độ 3	x

						07/2015/TT- BTNMT ngày 26/02/2015			
7	1.003010.000 .00.00.H34	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn giải quyết: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 	x	Mức độ 3	x
8	1.004688.000 .00.00.H34	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của người sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn người sử dụng đất lập hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Thông tư số 33/2017TT-BTNMT ngày 29/9/2017 	x	Mức độ 3	x

			<p>không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành có trách nhiệm phải gửi ý kiến đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

9	1.001039.000 .00.00.H34	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014	x	Mức độ 2	x
10	1.000964.000 .00.00.H34	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014	x	Mức độ 2	x
11	2.001761.000 .00.00.H34	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	- Không quá 10 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu,	- Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;	x	Mức độ 2	x

			<p>vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh</p> <p>- Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.</p>	<p>nhân dân tỉnh Kon Tum</p>	<p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</p>			
--	--	--	---	---	------------------------------	---	--	--	--

12	1.004206.000 .00.00.H34	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất. 	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 	x	Mức độ 2	x
----	----------------------------	--	--	--	---	--	---	----------	---

						- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.			
13	2.000348.000 .00.00.H34	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	15 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 	x	Mức độ 2	x

						33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;			
14	2.001938.000 .00.00.H34	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Không quá 15 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT- 	x	Mức độ 3	x

						BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.			
15	1.003003.000 .00.00.H34	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Không quá 30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT- 	x	Mức độ 3	x

						BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
16	1.002255.000 .00.00.H34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Không quá 20 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số	x	Mức độ 3	x

						01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
17	2.000976.000 .00.00.H34	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp	Nghị quyết số 28/2020/NQ- HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-	x	Mức độ 3	x

				nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.		BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
18	2.000946.000 .00.00.H34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có	Nghị quyết số 28/2020/NQ- HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày	x	Mức độ 3	x

				đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.		19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
19	1.004221.000.00.00.H34	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ	x	Mức độ 3	x

				<p>công tính tinh tinh.</p> <p>- Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.</p>		<p>Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;</p>			
20	1.004203.000.00.00.H34	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của	x	Mức độ 3	x

				<p>phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh.</p> <p>- Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.</p>	<p>Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum</p>	<p>Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum; 			
--	--	--	--	--	---------------------------------------	---	--	--	--

21	1.003040.000 .00.00.H34	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế <ul style="list-style-type: none"> - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất. 	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 	x	Mức độ 3	x
----	----------------------------	--	---	---	---	--	---	----------	---

						- Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
22	1.002033.000 .00.00.H34	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 10 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất. 	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 	x	Mức độ 3	x

						33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
23	2.000889.000.00.00.H34	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. - Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với thủ tục đăng ký	- Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;	x	Mức độ 3	x

			<p>biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất</p> <p>- Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng</p> <p>Trường hợp cấp giấy chứng nhận do: Người sử dụng đất có nhu cầu cấp đổi, tách thửa, hợp thửa, thay đổi diện</p>			<p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;</p>			
--	--	--	---	--	--	---	--	--	--

			tích; thời gian tăng thêm không quá 07 ngày làm việc.						
24	1.001991.000 .00.00.H34	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Không quá 30 ngày làm việc (trong đó: 10 ngày cho thủ tục đăng ký biến động về mua, góp vốn bằng tài sản; 20 ngày cho thủ tục thuê đất).	Tổ chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT- 	x	Mức độ 3	x

						BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
25	1.004238.000 .00.00.H34	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	- Không quá 03 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày	- Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số	x	Mức độ 2	x

						01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
26	1.002993.000 .00.00.H34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày	- Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp	Nghị quyết số 28/2020/NQ- HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-	x	Mức độ 3	x

				nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.		BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
27	2.000880.000.00.00.H34	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia	- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời	- Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày	x	Mức độ 3	x

		quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày	đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.		19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
28	1.004227.000 .00.00.H34	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn	- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế	- Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ	x	Mức độ 3	x

		chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	- xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày	công tỉnh tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.		Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
29	1.001134.000 .00.00.H34	Đăng ký biến động đổi với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho	Không quá 30 ngày làm việc	Tổ chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của	x	Mức độ 3	x

		cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất			Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
--	--	--	--	--	--------------------------------	---	--	--	--

30	1.001009.000 .00.00.H34	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	Không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 	x	Mức độ 3	x
----	----------------------------	---	----------------------------	--	---	--	---	----------	---

						- Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
31	1.001980.000 .00.00.H34	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 05 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất. 	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 	x	Mức độ 3	x

						33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
32	1.004193.000.00.00.H34	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 10 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất. 	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 	x	Mức độ 3	x

						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum; 			
33	1.004177.000 .00.00.H34	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Tối đa 20 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 	x	Mức độ 3	x

				phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.		02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;			
34	2.000983.000 .00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Không quá 30 ngày làm việc.	Tổ chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số	x	Mức độ 3	x

						<p>02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</p>			
35	1.001990.000.00.00.H34	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	<p>- Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt</p>	<p>- Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân có đất thuộc địa bàn thành phố Kon Tum nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Hộ gia đình</p>	<p>Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum</p>	<p>- Luật đất đai năm 2013.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-</p>	x	Mức độ 3	x

			khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày	cá nhân có đất thuộc địa bàn các huyện nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có đất.		<p>BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;</p>			
36	1.004267.000.00.00.H34	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	60 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>	x	Mức độ 1	x

						ngày 06/01/2017 của Chính phủ.			
37	1.004269.000 .00.00.H34	Cung cấp dữ liệu đất đai	01 ngày làm việc	Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Địa chỉ số: 266 Phan Đình Phùng, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum	- Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai. Mức thu: + 300.000 đồng/bộ (hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất); + 300.000 đồng/bộ (hồ sơ tài nguyên môi trường); + 60.000 đồng/bộ (xác nhận tính pháp lý hồ sơ đất); + 300.000 đồng/tờ bản đồ địa chính; + 300.000 đồng/tờ bản đồ hiện trạng, bản đồ quy hoạch, bản đồ phân hạng, bản đồ tài nguyên	- Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.	x	Mức độ 3	

						khoáng sản; + 60.000 đồng/tờ bản đồ địa hình			
II	Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản: 18 TTHC								
1	1.004446.000. 00.00.H34	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	<p>- 115 ngày: Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.</p> <p>- 40 ngày: Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.</p> <p>- 72 ngày: Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Thông tư số 191/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	<p>- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p>	x	Mức độ 4	x

						- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
2	1.004132.000.00.00.H34	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	57 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Không	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	x	Mức độ 2	x
3	1.004083.000.00.00.H34	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Không	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày	x	Mức độ 2	x

						22/12/2016 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.			
4	1.004434.000. 00.00.H34	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	112 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 20 triệu đồng trở xuống, mức thu tối đa 50.000 đồng/hồ sơ. - Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng, mức thu tối đa 100.000 đồng/hồ sơ. - Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng, mức thu tối đa 150.000 đồng/hồ sơ. - Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng, mức thu tối đa 200.000 đồng/hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016. - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính; - Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính. 	x	Mức độ 2	x

					- Trên 500 triệu đồng, mức thu tối đa 500.000 đồng/ hồ sơ.				
5	1.004433.000.00.00.H34	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	112 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 20 triệu đồng trở xuống, mức thu tối đa 50.000 đồng/ hồ sơ. - Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng, mức thu tối đa 100.000 đồng/ hồ sơ. - Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng, mức thu tối đa 150.000 đồng/ hồ sơ. - Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng, mức thu tối đa 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016. - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính; - Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính. 	x	Mức độ 2	x

					200.000 đồng/ hồ sơ. - Trên 500 triệu đồng, mức thu tối đa 500.000 đồng/ hồ sơ				
6	1.000778.000. 00.00.H34	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	95 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec- ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ - Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT- BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính; - Thông tư số	x	Mức độ 4	x

						191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.			
7	1.004481.000.00.00.H34	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	45 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của	x	Mức độ 4	x

					<p>phép;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép. 	Bộ trưởng Bộ Tài chính			
8	2.001814.000.00.00.H34	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	50 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính 	x	Mức độ 4	x

9	1.005408.000. 00.00.H34	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	45 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Không	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	x	Mức độ 4	x
10	2.001783.000. 00.00.H34	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	45 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	x	Mức độ 4	x
11	1.004345.000. 00.00.H34	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	50 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định	x	Mức độ 4	x

				tỉnh tỉnh tỉnh	08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính			
12	1.004135.000.00.00.H34	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	50 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Không	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	x	Mức độ 4	x
13	2.001787.000.00.00.H34	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	190 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	- Đến 01 tỷ đồng, mức phí 10 triệu đồng. - Trên 01 đến	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	x	Mức độ 4	x

					<p>10 tỷ đồng, mức phí 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng).</p> <p>- Trên 10 đến 20 tỷ đồng, mức phí 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng).</p> <p>- Trên 20 tỷ đồng, mức phí 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng).</p>	<p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>			
14	1.004367.000.00.00.H34	Đóng cửa mỏ khoáng sản	110 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Không	<p>- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày</p>	x	Mức độ 4	x

						22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.			
15	2.001781.000.00.00.H34	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	35 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Lệ phí: 5.000.000 đồng/01 giấy phép	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	x	Mức độ 4	x
16	1.004343.000.00.00.H34	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	20 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Lệ phí: 2.500.000 đồng/01 giấy phép	- Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	x	Mức độ 4	x

						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính 			
17	2.001777.000.00.00.H34	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	23 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	x	Mức độ 4	x
18	1.004264.000.00.00.H34	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản ngày 17/11/2010 - Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của 	x	Mức độ 2	x

						Chính phủ			
III	Lĩnh vực Tài nguyên nước: 17 TTHC								
1	1.004232.000. 00.00.H34	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. 	x	Mức độ 4	x

2	1.004228.000.00.00.H34	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum 	x	Mức độ 4	x
3	1.004223.000.00.00.H34	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của 	x	Mức độ 4	x

						Chính phủ - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum			
4	1.004211.000.00.00.H34	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ - Thông tư số 27/2014/TT-	x	Mức độ 4	x

						BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 56/2014/TT- BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum			
5	1.004179.000.00.00.H34	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ /ngày đêm	Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	Mức độ 4	x

						trường - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum			
6	1.004167.000.00.00.H34	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm	Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 56/2014/TT-	x	Mức độ 4	x

						<p>BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum 			
7	1.004152.000.00.00.H34	<p>Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác</p>	<p>Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 	x	Mức độ 4	x

						trường - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum			
8	1.004140.000.00.00.H34	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND	x	Mức độ 4	x

						ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum			
9	1.000824.000.00.00.H34	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân 	x	Mức độ 4	x

						tỉnh Kon Tum			
10	1.004122.000. 00.00.H34	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Không quá 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất. Mức thu: 1.400.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum 	x	Mức độ 4	x
11	2.001738.000. 00.00.H34	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Không quá 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh, bổ sung bằng 50% mức thu phí thẩm định theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP 	x	Mức độ 4	x

					Mức thu: 700.000 đồng/hồ sơ	ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ - Thông tư số 40/2014/TT- BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum			
12	1.004253.000. 00.00.H34	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tỉnh	Phí thẩm định cấp lại giấy phép bằng 30% mức thu phí thẩm định theo quy định. Mức thu: 420.000 đồng/hồ sơ	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ - Thông tư số 40/2014/TT- BTNMT ngày	x	Mức độ 4	x

						11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum			
13	1.009669.000.00.00.H34	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	Không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ - Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ	x	Mức độ 2	x
14	2.001770.000.00.00.H34	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ - Nghị định số 41/2021/NĐ-CP	x	Mức độ 2	x

						ngày 30/3/2021 của Chính phủ			
15	1.004283.000.00.00.H34	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ	x	Mức độ 4	x
16	1.001740.000.00.00.H34	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	Không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ	x	Mức độ 2	x
17	2.001850.000.00.00.H34	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ	x	Mức độ 2	x
IV	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn: 03 TTHC								

1	1.000987.000. 00.00.H34	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Khí tượng Thủy văn năm 2015 - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ	x	Mức độ 4	x
2	1.000970.000. 00.00.H34	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Khí tượng Thủy văn năm 2015 - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ	x	Mức độ 4	x
3	1.000943.000. 00.00.H34	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Khí tượng Thủy văn năm 2015 - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ	x	Mức độ 4	x

						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ. 			
V	Lĩnh vực Môi trường: 12 TTTC								
1	1.008675.000.00.00.H34	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ. - Cấp phép trong thời hạn 30 ngày 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. 	x	Mức độ 4	x
2	1.008682.000.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	x	Mức độ 4	x
3	1.005741.000.00.00.H34	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ; - 05 ngày kiểm tra các công trình - 05 ngày thông 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ 	x	Mức độ 4	x

			báo kết quả kiểm tra			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ - Thông tư số 25/2019/TT-BNTMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 			
4	1.004249.000.00.00.H34	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	<p>+ Tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II và loại hình thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tối đa là 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum - Thông tư số 25/2019/TT-BNTMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 	x	Mức độ 4	x

			<p>trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II những những loại hình không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tối đa là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

			<p>định 40/2019/NĐ-CP bao gồm các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>- Thời hạn thông báo kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thẩm định.</p> <p>- Thời hạn phê duyet báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa là 20 ngày làm việc.</p>						
5	1.004141.000. 00.00.H34	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	<p>15 ngày làm việc:</p> <p>- 05 ngày kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ;</p> <p>- 10 ngày xem xét, chấp thuận về môi trường.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của</p>	x	Mức độ 4	x

						Chính phủ - Thông tư số 25/2019/TT- BNTMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường			
6	1.004356.000. 00.00.H34	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ - Thông tư số 25/2019/TT-BNTMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	Mức độ 4	x
7	1.004240.000. 00.00.H34	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số	55 ngày làm việc: - 05 ngày kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ; - Thẩm định hồ sơ 35 ngày. - Phê duyệt hồ sơ 15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Luật Khoáng sản số năm 2010 - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số	x	Mức độ 4	x

		40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)				40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum - Thông tư số 25/2019/TT-BNTMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường			
8	1.004258.000.00.00.H34	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ	x	Mức độ 4	x

						Tài nguyên và Môi trường.			
9	1.004148.000.00.00.H34	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	Mức độ 4	x
10	1.004246.000.00.00.H34	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	- 15 ngày làm việc. - Trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH thì thời hạn xem	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	x	Mức độ 4	x

			xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH là 30 ngày làm việc						
11	1.004621.000.00.00.H34	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	- 15 ngày làm việc. - Trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH thì thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH là 30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	x	Mức độ 4	x
12	1.004129.000.00.00.H34	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ - Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	Mức độ 4	x

VI	Lĩnh vực Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý: 01 TTHC								
1	1.001923.000.00.00.H34	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	01 ngày làm việc	Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Địa chỉ số: 266 Phan Đình Phùng, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày ngày 13/3/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25/06/2018 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. 	x	Mức độ 3	

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện: 16 thủ tục

ST T	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
I	Lĩnh vực Đất đai: 13 TTHC								
1	2.001234.000 .00.00.H34	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	30 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	X	Mức độ 2	X
2	2.000381.000 .00.00.H34	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	20 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	* Phí thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất: - Đối với Phường, thị trấn 200.000đ/ hồ sơ;	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài	X	Mức độ 2	X

					<ul style="list-style-type: none"> - Các khu vực còn lại 100.000đ/ hồ sơ * Lệ phí cấp GCNQSD đất: <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Phường , thị trấn 25.000đ/ hồ sơ; - Các khu vực còn lại 15.000đ/ hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. 			
3	1.000798.000 .00.00.H34	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	15 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	X	Mức độ 2	X
4	1.005367.000 .00.00.H34	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường	Không quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 	X	Mức độ 2	X

		hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam		huyện		43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.			
5	1.005187.000 .00.00.H34	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	Không quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	X	Mức độ 2	X
6	1.002314.000 .00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận	Không quá 20 ngày làm việc.	Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, thành phố	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-	x	Mức độ 3	x

						<p>BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. 			
7	1.002335.000.00.00.H34	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Không quá 30 ngày làm việc	Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, thành phố	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 	x	Mức độ 3	x

						33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
8	1.002291.000 .00.00.H34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Không quá 20 ngày làm việc.	Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, thành phố	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;	x	Mức độ 3	x

9	2.000379.000 .00.00.H34	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Không quá 30 ngày làm việc (trong đó: 10 ngày cho thủ tục đăng ký biến động về mua, góp vốn bằng tài sản; 20 ngày cho thủ tục thuê đất)	Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, thành phố	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum; 	x	Mức độ 3	x
10	1.000755.000 .00.00.H34	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ	Không quá 30 ngày làm việc	Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ Bộ phận Tiếp nhận và	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 	x	Mức độ 3	x

		giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		Trả kết quả cấp huyện, thành phố	Tum	23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum;			
11	1.002978.000 .00.00.H34	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Không quá 10 ngày làm việc	Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, thành phố (đối với trường	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài	x	Mức độ 3	x

				<i>hợp định chính Giấy chứng nhận do UBND huyện thành phố cấp)</i>		nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị Quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum.			
12	1.002969.000 .00.00.H34	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Tối đa 20 ngày làm việc	Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, thành phố <i>(đối với trường hợp định chính Giấy chứng nhận do UBND</i>	Không	- Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số	x	Mức độ 3	x

				<i>huyện thành phố cấp)</i>		01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.			
13	2.000395.000 .00.00.H34	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	45 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.	x	Mức độ 1	x
II	Lĩnh vực Tài nguyên nước: 02 TTHC								
1	1.001645.000 .00.00.H34	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	Không quá 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hoặc cấp xã	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ	x	Mức độ 2	x
2	1.001662.000 .00.00.H34	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2012 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	Mức độ 2	x
III	Lĩnh vực Môi trường: 01 TTHC								

1	1.004138.000 .00.00.H34	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Tối đa là 10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	Mức độ 2	x
---	----------------------------	--	----------------------------	--	-------	--	---	----------	---

C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 01 thủ tục

TT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
I	Lĩnh vực Đất đai: 01 TTHC								
1	1.003554.000. 00.00.H34	Hòa giải tranh chấp đất đai	45 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật đất đai 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.	x	Mức độ 1	x

Tổng cộng: 105 thủ tục hành chính (cấp tỉnh 88 TTHC, cấp huyện 16 TTHC, cấp xã 01 TTHC).